

Số: 40/2020/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 15 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 131/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 07 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn:

- Chị Hoàng Quỳnh T, sinh năm, 1989. Địa chỉ: Bản X, xã Ch, M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn

- Anh Hà Văn D, sinh năm 1990. NĐKHK: Bản X, xã Ch, M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Việt Nam. Địa chỉ: Số 2, đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Ngọc Khánh: chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chi nhánh được ủy quyền: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Mai Sơn, Sơn La. Người đại diện: Ông Phạm Quang Tùng - chức vụ Giám đốc. Ủy quyền lại cho ông Phùng Mạnh Cường - Giám đốc phòng giao dịch Nà Sản. ông Cường có mặt.

- Ngân Hàng chính sách xã hội Việt Nam. Địa chỉ: Số 169 phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quốc Thắng - Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Cầm Văn Sơn - Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Quỳnh T và anh Hà Văn D.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tình cảm: Chị Hoàng Quỳnh T và anh Hà Văn D nhất trí công nhận thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị T và anh D có 02 con chung là các cháu Hà Thị Yến Nhi, sinh ngày 04/03/2010 và cháu Hà Đình Đồng, sinh ngày 12/02/2012. Giao cháu Nhi và cháu Đồng cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục các cháu cho tới khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh D được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh D thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh D thống nhất:

3.1. Chị T được quyền sở hữu, sử dụng và quản lý các tài sản sau:

3.1.1. Được quyền sử dụng 1097,2m². Vị trí thửa đất: bản Xum, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. thửa đất số 138, thuộc tờ bản đồ 67. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1069/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn. Vị trí, diện tích, tứ cận tiếp giáp cụ thể như sau:

Phía Tây Bắc giáp đất ông Kỳ có chiều dài 60,59m

Phía Tây giáp đường xóm có chiều dài: 16,33m + 24,77m + 11,53m + 18,42m

Phía Đông Nam giáp đất ông Thoát có chiều dài: 34,60m

Cùng toàn bộ tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà xây cấp 4, tường 110, mái lợp tôn, tường trát không sơn có diện tích 9m x 8m = 72m²; bếp xây cấp 4, tường 110, mái lợp ngói, tường trát không sơn có diện tích 3m x 8m = 24m². Cây cà phê trồng

trái đều trên diện tích 921m² và một số cây ăn quả khác gồm: 15 cây bơ, 07 cây nhãn, 09 cây mít, 05 cây xoài, 05 cây na.

Giá trị đất và tài sản trên đất là 150.000.000đ.

3.1.2. Được quyền sử dụng 1.100m² đất thuộc một phần thửa đất số 235, tờ bản đồ số 13. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vị trí thửa đất thuộc bản Xum, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tứ cạnh tiếp giáp cụ thể như sau:

Phía Bắc giáp đất ông Dục có chiều dài là 48,9m

Phía Đông giáp đường xóm có chiều dài là: 23,3m

Phía Nam giáp đất anh D được chia có chiều dài là: 46,1m.

Phía Tây giáp đất ông Thơm có chiều dài là: 23,3m.

Cùng toàn bộ cây cối trên đất.

Giá trị đất và tài sản trên đất là 110.000.000đ

Tổng giá trị tài sản chị T được chia là : 260.000.000đ

3.2. Anh D được quản lý và sử dụng 1204,8m² đất thuộc một phần thửa đất số 235, tờ bản đồ số 13. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vị trí thửa đất thuộc bản Xum, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tứ cạnh tiếp giáp cụ thể như sau:

Phía Bắc giáp đất chị T được chia có chiều dài là: 46,1m

Phía Đông giáp đường xóm có chiều dài là: 56,4m

Phía Nam giáp đất ông Toan có chiều dài: 23,8m và 16,2m

Phía Tây giáp đất ông Toan có chiều dài 25,8m + 22,5m. Giáp ông Thơm có chiều dài là: 2,3m.

Cùng toàn bộ cây cối trên đất.

Giá trị tài sản anh D được chia là 120.480.000đ.

4. Về nợ chung:

4.1. Chị T có trách nhiệm trả 100.000.000đ cùng lãi phát sinh tương ứng đến thời điểm trả nợ cho ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam, chi nhánh huyện Mai Sơn theo hợp đồng tín dụng số 01-2019/HĐTD ngày 05/3/2019 .

4.2. Anh D có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ vay cho ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn gồm: Nợ vay vốn nước sạch 12.000.000đ và nợ vay phát triển kinh tế 35.000.000đ và lãi phát sinh tương ứng đến thời điểm trả nợ.

4.3. Anh D có trách nhiệm trả cho chị T số tiền trên lệch nghĩa vụ trả nợ là 29.000.000đ.

5. Về án phí:

Chị T nhận chịu án phí dân sự ly hôn là 150.000đ. Án phí có giá ngạch đối với phần tài sản được chia là 6.500.000đ và án phí đối với nghĩa vụ nợ phải trả là 2.500.000đ. Tổng án phí chị T phải chịu là 9.150.000đ. Nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn theo biên lai số AA/2016/0002223 ngày 27/7/2020. Còn phải nộp tiếp số tiền là 8.850.000đ.

Anh D phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần tài sản được chia là 3.012.000đ và án phí đối với nghĩa vụ nợ phải trả là 1.200.000đ. Tổng án phí chị T phải chịu là 4.212.000đ.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 [Luật Thi hành án dân sự](#) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Ch, M;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thanh Nga

